CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 71/TPHN/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**
Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: +84 24 3864 2579 Fax: +84 24 3864 2579
E-mail: cskh@huunghi.com.vn
Mã số doanh nghiệp: 0102109239
Số giấy chứng nhận: HA 460/7.23.CIV. Chứng nhận làn đầu : 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận : 16/03/2023 ÷ 15/03/2026. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. **Tên sản phẩm: Suri Delight Kẹo Dẻo Vị Vải**
2. **Thành phần:** Đường mantoza, Đường, Nước ép vải cô đặc (5%), Chất làm dày (407), Chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), Hương liệu tổng hợp (vải), Chất tạo màu tổng hợp (171, 129), Chất chống đông vón (903).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất (NSX) và Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì
Ngày đóng gói: xem trên bao bì
4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:
- Chất liệu: Kẹo được bao gói bằng màng BOPP chuyên dùng đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Sau đó để trong túi nilon OPP/CPP hoặc hộp giấy Duplex/ Ivory hoặc hộp nhựa PS.
- **Qui cách bao gói:** 100 g, 125 g, 150 g, 200 g, 250 g, 300 g.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

- **Sản phẩm của** Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (Nhập khẩu & phân phối).
  Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
  ĐT: +84 24 3664 2431
  Fax: +84 24 3664 2426
  E-mail: cskh@huunghi.com.vn
  Website: www.huunghi.com.vn
  Sản xuất tại: HUIJIA (FUJIAN) FOOD CO LTD
  Địa chỉ: NO12, YINGYUAN ROAD, ECONOMIC DEVELOPMENT ZONE JINJIANG CITY, QUANZHOU CITY, FUJIAN PROVINCE, CHINA (Trung Quốc)
- **Đóng gói tại:**
  - **Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc**
    Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
    Xuất xứ: CHINA (Trung Quốc)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:**

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. **Thông tư của các Bộ, ngành**

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017 NĐ-CP về thông tin ghi nhãn hang hóa
- Nghị định 111/2021 NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017 NĐ-CP.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

S.Đ.K.K.D: 0102109239 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ca Nguyên Hải

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	Suri Delight Kẹo Dẻo Vị Vải	Số: 71/TPHN/2023

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Kẹo dạng viên có hình nguyên vẹn (theo khuôn mẫu), tương đối đồng đều về kích thước và không bị biến dạng.
- Màu sắc: Màu đặc trưng theo tên gọi của sản phẩm.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng, vị ngọt đậm.
- Tạp chất lạ: Không có.

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: áp dụng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	**Giới hạn VSV** (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm)
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E. Coli	CFU/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl.perfringens	CFU/g	10
6	B.cereus	CFU/g	10
7	Tổng số BTNM-M	CFU/g	10^2

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	ppm	1
2	Cadmi (Cd)	ppm	1
3	Chì (Pb)	ppm	2
4	Thủy ngân (Hg)	ppm	0,05

1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4

2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

2.1. Hướng dẫn sử dụng:

- 2.1. Hướng dẫn sử dụng:
- Dùng ăn trực tiếp.
- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.
- Ngày sản xuất (NSX) và Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì
- Ngày đóng gói: xem trên bao bì

2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
  - Kẹo được đựng trong thùng carton xếp trên pallet (hoặc giá, kệ bảo quản cách mặt nền tối thiểu 20 cm), cách tường tối thiểu 30 cm và cách trần tối thiểu 50 cm, trong kho chuyên dụng.
  - Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng. Tốt nhất ở 20 -25^{0}C.
- Vận chuyển: Kẹo được vân chuyển bằng xe chuyên dụng. Phương tiện vận chuyển phải sạch sẽ, khô ráo, có mái che mưa, nắng. Không vận chuyển kẹo cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng tới mùi vị của sản phẩm.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ:Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

1. **Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam**
2. **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**
3. **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam:Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

SAO Y BẢN CHÍNH
Số:...6...../SY - TPHN
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

Phạm vi được chứng nhận:

1. **Sản xuất bánh cracker, lương khô (bánh dinh dưỡng), bánh tươi (bánh gato), bánh mỳ (bánh mỳ, Sandwich), đồuống không cồn, mứt, bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta); Đóng gói kẹo tại Nhà máy Định Công.**
2. **Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mỳ(bánh mỳ, Sandwich), ruốc, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Yên Phong.**
3. **Sản xuất bánh mỳ(bánh mỳ, Sandwich), bánh gato, bánh bông lan (cake, cupcake),bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta) tại Nhà máy Bình Dương.**

Số Giấy chứng nhận: **HA 460/7.23.CIV** *Mã ngành:* **CIV**

Hiệu lực Giấy chứng nhận: **Từ ngày 16/03/2023đến ngày 15/03/2026**

Ngày chứng nhận lần đầu: **17/10/2018**

M.S.D.N: 0102109239 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Hồng Tiếm

KT. GIÁM ĐỐC

QUACERT
ENSURE YOUR SUCCESS

JAS-ANZ

MEMBER OF MULTILATERAL RECOGNITION ARRANGEMENT IAF

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG - TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Trần Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ
S.Đ.K.K.D: 0102109236
HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Tên sản phẩm: Suri Delight Kẹo Vải

Thành phần: Đường mantoza, Đường, Nước ép vải cô đặc (5%), [illegible] (407), Chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), Hương liệu tổng hợp (vải), Chất tạo màu tổng hợp (171, 129), Chất chống đông vón (903).

Số công bố: 71/TPHN/2023

Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (Nhập khẩu & phân phối)

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 3664 9451

Fax: +84 24 36642426

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Website: www.huunghi.com.vn

8 934760 231454

Sản xuất tại: HUIJIA (FUJIAN) FOOD CO LTD

Địa chỉ: NO12, YINGYUAN ROAD, ECONOMIC DEVELOPMENT ZONE JINJIANG CITY, QUANZHOU CITY, FUJIAN PROVINCE, CHINA (Trung Quốc)

Đóng gói tại: Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc (Y)

Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Xuất xứ: CHINA (Trung Quốc)

Ghi chú: Ký hiệu nơi đóng gói, xem cạnh ngày đóng gói.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Ngày sản xuất (NSX) và Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì

Ngày đóng gói (NĐG): xem trên bao bì

8.8cm

6.8cm

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)
ISO/IEC 17025 – VILAS 259
Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: http://www.firi.vn

Số: 0823033-2/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: **Suri Delight Kẹo Dẻo Vị Vải**
Mô tả mẫu: Mẫu kẹo đựng trong túi, 01 túi/mẫu, khoảng 300g, điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng
Số lượng mẫu: 01
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 23/8/2023
Thời gian thử nghiệm: 23/8/2023 – 30/8/2023
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	**KPH (LOD=1CFU/g)**	TCVN 4884-1:2015
02	Coliforms	CFU/g	**KPH (LOD=1CFU/g)**	TCVN 6848:2007
03	*E.coli*	CFU/g	**KPH (LOD=1CFU/g)**	TCVN 7924-2:2008
04	*Clostridium perfringens*	CFU/g	**KPH (LOD=1CFU/g)**	TCVN 4991:2005
05	*Bacillus cereus*	CFU/g	**KPH (LOD=10CFU/g)**	TCVN 4992:2005
06	*Coagulase positive staphylococci (S. aureus)*	CFU/g	**KPH (LOD=10CFU/g)**	ISO 6888-1:2021
07	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	**KPH (LOD=1CFU/g)**	TCVN 8275-2:2010
08	*Salmonella* spp.	/25g	**KPH ($eLOD_{50}$:1)**	TCVN 10780-1:2017
09*	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	**KPH (LOD = 0,015 mg/kg)**	AOAC 986.15
10*	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	**KPH (LOD = 0,015 mg/kg)**	AOAC 971.21
11*	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	**KPH (LOD = 0,002 mg/kg)**	AOAC 999.11
12*	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	**KPH (LOD = 0,005 mg/kg)**	AOAC 999.11
13*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	**KPH (LOD = 0,3 µg/kg)**	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
14*	Hàm lượng Patulin	µg/kg	**KPH (LOD = 10,0 µg/kg)**	FIRI.M.113 (LC-MS/MS)
15*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	**KPH (LOD = 0,3 µg/kg)**	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
16*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	**KPH (LOD = 0,3 µg/kg)**	FIRI.M.167 (LC-MS/MS)
17*	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	**KPH (LOD = 30,0 µg/kg)**	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)
18*	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	**KPH (LOD = 5,0 µg/kg)**	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)

Ghi chú: ***KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD), $eLOD_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD_{50} ước tính với xác suất phát hiện là 50%.***

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA

Lê Văn Trọng

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp*
2. *Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
3. *Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia*
4. *Chỉ tiêu (*) : là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
5. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.*